

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2294/BVK-KD
V/v đề nghị báo giá thuốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh thuốc.

Bệnh viện K trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Bệnh viện K đang xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc năm 2026-2027. Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp thuốc (theo danh mục chi tiết tại Phụ lục 1) gửi Báo giá về Bệnh viện K để tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

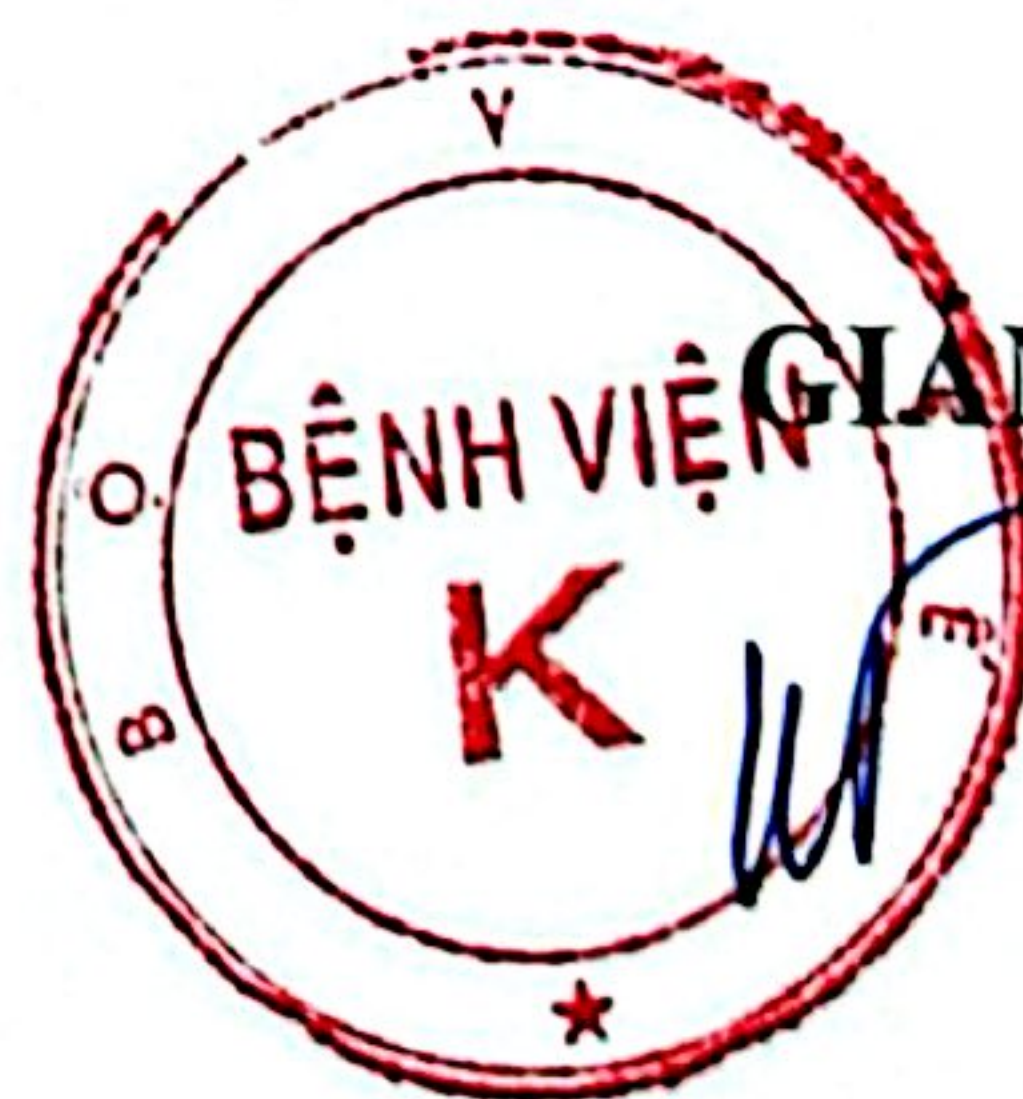
Báo giá của Quý đơn vị theo Mẫu báo giá tại Phụ lục 2 đính kèm Công văn này đề nghị gửi về Bệnh viện K (địa chỉ: Số 30 Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội). Thời gian nhận tài liệu từ 08h00 đến 17h00 hàng ngày và trước 17h ngày 24/07/2026.

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: DS Nguyễn Thị Kim Thanh (SĐT: 0346.605.686, khoa Dược Bệnh viện K).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng ĐTQG;
- Trang TTĐT Bệnh viện K;
- Lưu: VT, KD (KT)



GIAM ĐỐC

Lê Văn Quảng

PHỤ LỤC
(Kèm theo Công văn 2291/BKK-KD ngày 4/07/2026 của Bệnh viện K)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Acid amin (cho bệnh nhân suy thận)	1	7%/250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	1.500
2	Acid Folinic	4	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	9.000
3	Acid zoledronic	2	4mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	3.600
4	Acidum diaethylentriamino-pentaaceticum (DTPA)	1	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	100
5	Adrenalin	4	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	13.000
6	Amikacin	4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	12.000
7	Amiodarone hydrochloride	4	150mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	3.200
8	Ampicillin	1	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	10.000
9	Ampicillin	1	2000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	10.000
10	Atropin sulfat	4	0,25mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	120.000
11	Bendamustin HCl	5	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	2.642
12	Bendamustin HCl	1	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	500
13	Bendamustin HCl	5	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	300
14	Bicalutamide	2	50mg	Uống	Viên	Viên	9.100
15	Bismuth subsalicylat	4	262,5mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Gói	2.000
16	Bleomycin	2	15U	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	500
17	Bleomycin	4	15U	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	900
18	Calci ascorbat khan; Lysin hydroclorid; Acid ascorbic	4	250mg; 141,7mg; 136,6mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Gói	2.000
19	Cam thảo, bạch mao căn, bạch thược, đan sâm, bản lam căn, hoắc hương, sài hồ, liên kiều, thần khúc, chi thực, mạch nha, nghệ	3		Uống	Viên	Viên	100.000
20	Carboplatin	4	150mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	36.500
21	Carboplatin	4	450mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	9.000
22	Cefaclor	3	250mg	Uống	Viên	Viên	40.000
23	Cefoperazon	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	10.000
24	Cefoperazon	2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	10.000
25	Ceftizoxim	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	13.000
26	Choline Alfoscerate	4	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	8.000
27	Chondroitin sulfate sodium; Glucosamine sulfate potassium chloride	2	300mg; 750mg	Uống	Viên	Viên	2.000
28	Ciprofloxacin	1	750mg	uống	viên	viên	10.000
29	Clindamycin	2	600mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	1.750

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
30	Colistimethat natri	4	1MIU	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	2.700
31	Cyclophosphamide	4	50mg	Uống	Viên	Viên	10.000
32	Cytarabine	4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	800
33	Cytarabine	2	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	500
34	Dacarbazin	4	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	5.000
35	Dầu đậu nành tinh chế + triglycerid mạch trung bình + dầu oliu tinh chế + dầu cá tinh chế	1	(15g + 15g + 12,5g + 7,5g)/250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	42.000
36	Dexamethasone phosphate	2	4mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	150.000
37	Diphenhydramin hydroclorid	4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	400.000
38	Doxorubicin Hydroclorid	4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	12.000
39	Edoxaban	Lixiana hoặc tương đương	60mg	uống	viên	viên	4.000
40	Esomeprazol	4	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	30.000
41	Ethanol 70°	4	500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi	19.000
42	Ethanol 90°	4	500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi	2.000
43	Exemestane	1	25mg	Uống	Viên	Viên	225.000
44	Ezetimibe; Rosuvastatin	4	10mg; 20mg	Uống	Viên	Viên	2.000
45	Famotidine	4	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	80.000
46	Fluconazole	2	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	490
47	Gefitinib	1	250mg	Uống	Viên	Viên	21.000
48	Gelatin succinyl + Natri clorid + Natri hydroxyd	5	(20g + 3,505g + 0,68g)/500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	2.750
49	Gemcitabin	1	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	2.800
50	Gôm guar, Magnesi hydroxyd, Nhôm oxyd hydrat hóa, Nhôm phosphat hydrat hóa.	1	198,2 mg; 500mg; 500mg; 300mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Gói	2.000
51	Heparin natri	5	25.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	900
52	Human Albumin	1	20%/50ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	2.000
53	Imatinib	3	400mg	Uống	Viên	Viên	50.000
54	Imipenem + Cilastatin	4	500mg + 500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	5.000
55	Insulin Human (tác dụng nhanh)	1	1000UI	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Bơm tiêm	3.000
56	Iodixanol	Visipaque hoặc tương đương	652mg/ml (320mg I/ml), 100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	600
57	Iohexol	2	647mg/ml (tương đương Iod 300mg/ml), 100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	10.000
58	Iohexol	Omnipaque hoặc tương đương	647mg/ml (tương đương Iod 300mg/ml), 50ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	1.500

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
59	Iohexol	Omnipaque hoặc tương đương	647mg/ml (tương đương Iod 300mg/ml), 100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	40.000
60	Iopromide	Ultravist 300 hoặc tương đương	623,40mg/ml, 100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	10.000
61	Kali clorid	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	38.000
62	Lidocain	1	3,8g	Xịt ngoài da	Thuốc xịt ngoài da	Chai/Lọ/Ống/Hộp	300
63	Lidocain hydroclorid khan	Xylocaine Jelly hoặc tương đương	2%/30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống/Tuýp/Gói	6.000
64	L-ornithin -L-aspartat	2	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	2.000
65	L-ornithin -L-aspartat	4	2,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	15.000
66	Macrogol 4000	1	10g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	20.000
67	Magnesi aspartat + kali aspartat	4	400mg + 452mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	160.000
68	Meglumin natri succinat	5	6g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	55.000
69	Meropenem	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	15.750
70	Mesna	4	400mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	22.500
71	Methylene diphosphonate (MDP)	1	5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	1.500
72	Methylprednisolone	1	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	26.000
73	Natri bicarbonat	1	10,5g /250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	15.000
74	Natri clorid	4	0,9%/500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	1.100.000
75	Natri clorid	4	0,9%/500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	80.000
76	Natri clorid	4	0,9%/1000ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	3.000
77	Natri clorid + Calci clorid.2H ₂ O + Kali clorid + Magnesi clorid.6H ₂ O + Acid acetic + Dextrose.	4	210,7g + 9,0g + 5,222g + 3,558g + 6,310g + 35,0g/ 1000ml, can 10 lít.	Thăm phân máu	Dung dịch thăm phân	Can/Bình	250
78	Natri hydrocarbonat	4	84g/ 1000ml, can 10 lít	Thăm phân máu	Dung dịch thăm phân	Can/Bình	250
79	Natri iodua (NaI131)	1	50mCi/viên	Uống	Viên nang	mCi	4.800
80	Natri Iodua (NaI131)	1	100mCi/viên	Uống	Viên nang	mCi	33.600
81	Natri Iodua (NaI131)	1	150mCi/viên	Uống	Viên nang	mCi	9.600
82	Natri Iodua (NaI131)	2	1-200 mCi/Viên	Uống	Viên nang	mCi	28.800
83	Nepidermin	2	0,5mg/1ml	Xịt ngoài da	Thuốc xịt ngoài da	Chai/Lọ/Ống/Hộp	200
84	Nhũ dịch lipid (Medium-chain triglycerides + Soya-bean oil)	Lipofundin hoặc tương đương	20%/250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	16.000
85	Nhũ tương dầu đậu nành	1	10%/250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	60.000
86	Nimodipin	4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	200
87	Nước cất pha tiêm	4	500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	27.000
88	Octreotide	1	0,1mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	2.100



STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
89	Omeprazol + Natri bicarbonat	2	20mg; 1100mg	Uống	Viên	Viên	2.000
90	Palonosetron	1	0,25mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	8.000
91	Palonosetron	4	0,25mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	5.500
92	Pazopanib	2	200mg	Uống	Viên	Viên	7.000
93	Pazopanib	4	400mg	Uống	Viên	Viên	3.500
94	Phloroglucinol + Trimethylphloroglucinol	1	(31,12mg+ 0,04mg)/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	10.000
95	Piperacillin + Tazobactam	4	4g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	1.400
96	Propofol	2	1%/20ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	26.000
97	Rabeprazole natri	2	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	60.000
98	Ribociclib	5	200mg	Uống	Viên	Viên	84.000
99	Ringer acetat	4	500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	32.000
100	Ringer lactat	4	500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	128.000
101	Rocuronium bromid	4	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	25.000
102	Rocuronium bromid	1	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	12.500
103	Silymarin	1	150mg	Uống	Viên	Viên	100.000
104	Simethicon	1	1200mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Gói	800
105	Tam thất	3	1,5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/Lọ/Ống/ Túi/Gói	96.000
106	Theophylin-ethylendiamin	2	240mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	300
107	Túi 2 ngăn (Glucose + Acid amin có điện giải)	1	12,6%/500ml + 7%/500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	4.000
108	Túi dinh dưỡng 3 ngăn (Acid amin + Glucose + Lipid)	1	13%/656ml + 10%/380ml + 20%/170ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	5.000
109	Vancomycin	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/ Túi	2.250
110	Vi khuẩn BCG (Bacillus Calmette-Guerin)	5	2x10 ⁸ - 1,5x10 ⁹ đơn vị sống	Rửa bằng quang	Bột pha hỗn dịch bơm bằng quang	Chai/Hộp/Lọ/ Túi	400
111	Vinblastine	5	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	1.000
112	Vincristine sulphate	1	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	5.000

Phụ lục 2. MẪU BÁO GIÁ

(Gửi kèm Công văn số 2294/BV-KD ngày 14 tháng 07 năm 2026 của Bệnh viện K)



Tên đơn vị:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Người đại diện/liên hệ:
SĐT liên hệ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bệnh viện K

Chúng tôi xin gửi danh mục và giá dự kiến, các sản phẩm Công ty hiện đang phân phối như sau:

Tên thuốc	Hoạt chất	Nhóm theo TT40	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng (Theo PL1)	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Giá kê khai (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Báo giá này có hiệu lực đến ngày:.....

Giám đốc đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.
- Đơn vị chịu trách nhiệm về các tài liệu làm căn cứ phân nhóm kỹ thuật theo quy định tại Thông tư quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.
- Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký.
- Đề nghị Quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.
- Trong trường hợp Đơn giá báo giá của Quý đơn vị cao hơn giá trúng thầu cao nhất được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế/Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>) hoặc chưa được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế/ Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>), đề nghị nhà thầu cung cấp kết quả trúng thầu (nếu có) với đơn giá trúng thầu lớn hơn hoặc bằng đơn giá báo giá.